

**BÀI 1. TRUYỆN TRUYỀN KÌ VÀ TRUYỆN NGẮN HIỆN ĐẠI**

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Theo Cv số 1045/SGDĐT- GDTrH 13/5/2022

của Sở GDĐT Bình Định

|  |
| --- |
| ⌖Ngày soạn: 1/9/2024 |
| ⌖Năm học: 2024 - 2025 |

TÊN BÀI DẠY:

**Số tiết: 04 tiết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIẾT** | | **TÊN BÀI HỌC** | **GHI CHÚ** |
|  | **1. Đọc** | |  |
| ***a. Đọc hiểu văn bản*** | |  |
| **2** | *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* (Trích *Truyền kì mạn lục* – Nguyễn Dữ) | |  |
| **3** | *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* (Trích *Truyền kì mạn lục* – Nguyễn Dữ) – (tt) | |  |
| **4** | *Muối của rừng* (Nguyễn Huy Thiệp) | |  |
| **5** | *Muối của rừng* (Nguyễn Huy Thiệp) – tiếp theo | |  |

1. **MỤC TIÊU** 
   * + 1. **Kiến thức**

* Phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản, nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện truyền kì (đề tài, nhân vật, ngôn ngữ, yếu tố kì ảo) trong sự so sánh với truyện cổ dân gian. Nhận biết được giá trị nhận thức, giáo dục thẩm mỹ trong một số tác phẩm văn học cụ thể.
* Phân biệt và biết cách sử dụng ngôn ngữ trang trọng, ngôn ngữ thân mật trong giao tiếp.
* Viết được bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
* Biết trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
* Có ý thức về bổn phận và trách nhiệm của người công dân; biết cảm thông, tôn trọng, bảo vệ những chủ thể yếu thế trong cuộc sống.
  + - 1. **Năng lực**

1. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
* Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học: rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; có

hệ thống kiến thức phổ thông nền tảng về tiếng Việt và văn học, phát triển tư duy hình tượng và

tư duy logic, góp phần hình thành học vấn căn bản của một người có văn hoá;

* Biết tạo lập các văn bản thông dụng; biết tiếp nhận, đánh giá các văn bản văn học nói riêng, các sản phẩm giao tiếp và các giá trị thẩm mĩ nói chung.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực ngôn ngữ:

* Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt và kiến thức về bối cảnh lịch sử, xã hội, tư tưởng, triết học và quan niệm thẩm mĩ của các thời kì để hiểu các văn bản khó hơn (thể hiện qua dung lượng, độ phức tạp và yêu cầu đọc hiểu).
* Biết phân tích, đánh giá nội dung và đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của văn bản, nhất là những tìm tòi sáng tạo về ngôn ngữ, cách viết và kiểu văn bản. Học sinh có cách nhìn, cách nghĩ về con người và cuộc sống theo cảm quan riêng; thấy được vai trò và tác dụng của việc đọc đối với bản thân.
* Viết thành thạo kiểu văn bản nghị luận và thuyết minh về các đề tài gắn với đời sống và định hướng nghề nghiệp; viết đúng quy trình, có kết hợp các phương thức biểu đạt, kiểu lập luận và yếu tố nghệ thuật; có chủ kiến về một vấn đề xã hội.
* Biết tranh luận về những vấn đề tồn tại các quan điểm trái ngược nhau; có thái độ cầu thị và văn hoá tranh luận phù hợp; có khả năng nghe thuyết trình và đánh giá được bài thuyết trình; thể hiện chủ kiến, cá tính trong tranh luận; trình bày vấn đề khoa học một cách tự tin, có sức thuyết phục. Nói và nghe linh hoạt;

- Năng lực văn học

* Phân tích và đánh giá văn bản văn học dựa trên những hiểu biết về phong cách nghệ thuật và lịch sử văn học.
* Nêu được những nét tổng quát về lịch sử văn học dân tộc (quá trình phát triển, các đề tài và chủ đề lớn, các tác giả, tác phẩm lớn; một số giá trị nội dung và hình thức của văn học dân tộc) và vận dụng vào việc đọc tác phẩm văn học.
* Tạo lập được một số kiểu văn bản văn học thể hiện khả năng biểu đạt cảm xúc và ý tưởng bằng hình thức ngôn từ mang tính thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất :**

* Hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính
* Giúp học sinh khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn;
* Có tình yêu đối với tiếng Việt và văn học; có bản lĩnh, cá tính, có lí tưởng và hoài bão, biết giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá Việt Nam; có tinh thần hội nhập và ý thức công dân toàn cầu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Thiết bị**

* Kế hoạch bài dạy
* Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
* Tranh ảnh về nhà văn
* Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp
* Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà
* Phương tiện ứng dụng CNTT hỗ trợ

1. **Học liệu:** SGK, SBT Ngữ Văn 12, tranh ảnh, video, sơ đồ, biểu bảng, âm thanh… soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn bài học, vở ghi.

**TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

# **1. ĐỌC**

**1.1. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**A. VĂN BẢN 1.**

## **CHUYỆN CHỨC PHÁN SỰ ĐỀN TẢN VIÊN**

**(Trích *“Truyền kì mạn lục”* – Nguyễn Dữ)**

**[2 tiết: 2,3]**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG [5 phút]**

**a) Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của học sinh; qua đó, nêu nhiệm vụ học tập.

**b) Nội dung:** GV tổ chức hoạt động cho HS chia sẻ một số hiểu biết và những ấn tượng ban đầu về bài học

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời, lời phản biện, bài nói, chia sẻ cảm xúc, sản phẩm cụ thể… của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên đưa ra một số hình ảnh, từ khóa  - Hình ảnh sau gợi cho em nghĩ đến tác phẩm nào? (*Vũ Nương và chiếc bóng*)  - Tác phẩm đó của nhà văn nào?  - Tác phẩm đó được viết theo thể loại nào?  ................  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên gợi dẫn vào bài học |  |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC [60 phút]**

**a) Mục tiêu:** Nắm được những kiến thức cơ bản liên quan đến nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, tài liệu tham khảo, thảo luận, làm việc cá nhân… để hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Qua đó, chắt lọc và tích luỹ kiến thức, rèn luyện kỹ năng, bồi dưỡng các phẩm chất cần thiết.

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời, lời phản biện, bài nói, chia sẻ cảm xúc, sản phẩm cụ thể… của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu kiến thức thể loại.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV nhắc lại yêu cầu về nhà của HS: Tìm hiểu khái niệm, đặc điểm thể loại truyện truyền kì, mối quan hệ giữa truyện truyền kì và truyện dân gian, Giá trị văn học của truyện truyền kì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 nhóm lên bảng vẽ sơ đồ, yêu cầu các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  GV: *Truyền kì là một thể văn xuôi tự sự thời trung đại phản ánh hiện thực qua những yếu tố kì lạ, hoang đường. Trong truyện truyền kì, thế giới con người và thế giới cõi âm với những thánh thần, ma quỷ có sự tương giao, tạo nên sự hấp dẫn. Đằng sau những tình tiết phi hiện thực ;à những vấn đề cốt lõi của hiện thực đời sống cũng như những quan niệm và thái độ nhìn nhận của tác giả đối với hiện thực.*  - GV liên hệ:  *Chuyện người con gái Nam Xương* là thiên truyện thứ 16 trong tổng số 20 truyện của *Truyền kỳ mạn lục* (Cùng với 11 trong 20 truyện về phụ nữ). Nguồn gốc của truyện bắt nguồn từ một truyện cổ tích dân gian tên là *Vợ chàng Trương*. Nhân vật thường là người phụ nữ đức hạnh, khao khát cuộc sống yên bình, hạnh phúc. Trong tác phẩm, có những chi tiết mang yếu tố truyền kì như Vũ Nương, chiếc bóng, … Tác phẩm mượn câu chuyện oan khuất của người thiếu phụ để bày tỏ niềm thương cảm đối với số phận người phụ nữ trong chế độ phong kiến oan nghiệt; ca ngợi vẻ đẹp đức hạnh, chung thủy của họ.  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu khái quát TG, TP**  Bước 1: GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả tìm hiểu các thông tin về tác giả qua việc hoàn thành các yêu cầu (Phiếu học tập):  Nhóm 1: Tìm hiểu về tác giả Nguyễn Dữ.  Tìm hiểu về tập “Truyền kì mạn lục” (văn tự, thời gian ra đời, thể loại)  Nhóm 2: Tìm hiểu về VB “*Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*” (xuất xứ, bố cục)   * *Truyện truyền kì mạn lục của Nguyễn Dữ* * *Tóm tắt truyện theo từng phần và các sự kiện*   Thời gian: 10ph  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các kiến thức cơ bản:  *Truyền kì mạn lục* thực sự là một sáng tác VH với sự gia công hư cấu, sáng tạo, trau chuốt, gọt giũa chứ không phải chỉ là một công trình ghi chép đơn thuần. Qua tác phẩm, người đọc thấy được số phận bi thảm của những con người nhỏ bé, những bi kịch tình yêu mà thiệt thòi thường rơi vào người phụ nữ. Tác phẩm cũng thể hiện tinh thần dân tộc, bộc lộ niềm tự hào về nhân tài đát Việt, nét đẹp văn hóa Việt; đề cao đạo đức đồng thời khẳng định quan điểm sống “lánh đục tìm trong” của tầng lớp trí thức đương thời.  *Truyền kì mạn lục* được Vũ Khâm Lân (thế kỉ XVII) đánh giá cao: “*Thiên cổ kì bút*” | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Truyền kì**  a. Khái niệm  -  Truyện truyền kì là một thể loại tự sự của văn học trung đại Việt Nam (dựa theo lối tự sự dân gian), tiếp thu từ văn học Trung Quốc; ghi lại những câu chuyện kì lạ của đời sống (hai thế giới âm dương); thường có yếu tố kì ảo (về con người, sự vật, câu chuyện); nhân vật thường có sự tương giao giữa thần và người, cõi sống (trần thế/ dương gian) và cõi chết (âm phủ).  🡪 Dùng cái “kì” với những mô típ (motif) kì ảo và cải biến một cách sáng tạo những mô típ này để tạo sự hấp dẫn, thú vị, để nói cái “thực”, vừa phản ánh nhận thức, bộc lộ thái độ, tình cảm. Qua đó, gửi gắm tâm sự, những cách nhìn riêng , độc đáo về đời sống, nêu lên bài học trong cuộc sống.   🡪 Yếu tố kì ảo như là một thủ pháp nghệ thuật để thể hiện tư tưởng, chủ đề tác phẩm (chuyển tải thông điệp).  b. Đặc điểm  - Có cốt truyện hoàn chỉnh như những tác phẩm nghệ thuật, có thắt nút, phát triển và mở nút.  - Có thể kết thúc có hậu hoặc không có hậu. - Chú trọng vào **việc** hơn là chú trọng vào **người**, lấy việc mà biểu hiện người, răn người.  - Truyện thường có lời bình để bàn luận về mặt đạo đức.  - Trong truyện truyền kì và truyện cố dân gian có sự song song tồn tại có tác động qua lại của thế giới người và thế giới thần tiên, ma quỷ như tự sự truyền thống nhưng đồng thời có sự tham gia cải biến sáng tạo theo cá tính tác giả.  🡪 Truyện truyền kĩ cũng có 3 giá trị (tác động/ chức năng): nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ như các TPVH nói chung.  **2. Tác giả**  - Nguyễn Dữ (? -?) có người đọc là Nguyễn Tự; sống vào khoảng thế kỉ XVI.  - Quê quán: xã Đỗ Tùng, huyện Trường Tân (nay thuộc huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương).  - Xuất thân trong gia đình khoa bảng (cha đỗ tiến sĩ đời Lê Thánh Tông), ông là học trò của Nguyễn Bỉnh Khiêm, từng đi thi và đã ra làm quan nhưng không bao lâu thì lui về ẩn dật.  - Để lại tác phẩm nổi tiếng là *Truyền kì mạn lục*.  **3. Tác phẩm**  ***a. Truyền kì mạn lục***  - Viết bằng **chữ Hán**, vào **nửa đầu thế kỉ XVI**, trong thời gian Nguyễn Dữ về ở ẩn.  - Hầu hết các truyện đều lấy mốc thời gian từ thời Lí, Trần, Hồ, Lê sơ với không gian thực là từ Nghệ An trở ra. Các tác phẩm tuy viết về thời gian trước nhưng phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội phong kiến đương thời với đầy rẫy những tệ trạng mà tác giả muốn vạch trần, phê phán.  - Thể loại: ***Truyện truyền kì***  ***b. Văn bản "Chuyện chức phán sự đền Tản Viên"***  - **Xuất xứ:** *“Chuyện chức phán sự đền Tản Viên”* (Tản Viên từ phán sự lục) là truyện thứ 8 trong 20 truyện *“Truyền kì mạn lục”.*  **- Bố cục:**  + Phần 1: Giới thiệu nhân vật Ngô Tử Văn và hành động Tử Văn đốt đền  + Phần 2: Tử Văn gặp gỡ viên bách hộ và thổ thần  + Phần 3: Tử Văn trong phiên tòa  + Phần 4: Tử Văn được thổ thần giới thiệu và nhậm chức phán sự đền Tản Viên.  - **Sự kiện chính**  + Ngô Tử Văn đốt đền  + Ngô Tử Văn gặp gỡ viên thổ công  + Ngô Tử Văn gặp viên Bách hộ họ Thôi  + Ngô Tử Văn dưới Minh ti xử kiện  + Ngô Tử Văn nhận chức phán sự đền Tản Viên  Các sự kiện được trình bày theo thứ tự thời gian. |
| **Nhiệm vụ 3. Đọc hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu Nhân vật Ngô Tử Văn**  Thời gian: 20 phút  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV chia nhóm, HS hoàn thành phiếu học tập   * *Lai lịch nhân vật* * *Mối quan hệ của nhân vật với các nhân vật khác. Từ đó, nhận xét về phẩm chất của Ngô Tử Văn*   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận và thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Câu trả lời của HS  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các kiến thức cơ bản | **II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  **1. Nhân vật Ngô Tử Văn**  ***a. Lai lịch Ngô Tử Văn***  - Tên Soạn; tính tình khảng khái, nóng nảy, cương trực.  - Quê quán: huyện Yên Dũng, đất Lạng Giang - vùng đất xảy ra những cuộc chiến cuối thời Hồ với quân Minh => ngầm chuẩn bị cho sự xuất hiện của vong hồn viên bách hộ.  - Xuất thân: theo nghiệp Nho, đọc sách thánh hiền, là hàn sĩ (người có học thức, sống gần gũi với nhân dân), chứng kiến cuộc sống của họ bị yêu quái “gieo rắc tai họa”.  ***b. Mối quan hệ giữa Ngô Tử Văn với các nhân vật***   |  |  | | --- | --- | | **Mối quan hệ** | **Những phẩm chất của Ngô Tử Văn** | | **B1. Với mọi người:**  - Mọi người lắc đầu, lè lưỡi, lo sợ thay cho Tử Văn khi Tử Văn châm lửa, đốt đền => không dám phản kháng  -Tử Văn vung tay, không cần gì cả. | - hiểu biết  - can đảm, cứng cỏi | | **B2. Với thổ thần**  - Thổ thần bị đánh đuổi, bất lực, sống ẩn nhẫn  - Tử Văn dám hành động  - Hợp tác với thổ thần chống lại viên bách hộ | - đầy bản lĩnh, cứng cỏi, can đảm (không khiếp sợ trước gian tà).  - biết hợp tác | | **B3. Với viên bách hộ**  -Tướng giặc: trách mắng, đòi trả đền, đe doạ  -Tử Văn: mặc kệ, ngồi ngất ngưởng, tự nhiên. | - điềm nhiên, ung dung trước những lời đe dọa của hung thần. | | **B4. Với Diêm Vương**  -Diêm Vương trách mắng Tử Văn  -Tử Văn lời rất cứng cỏi, không chịu nhún nhường chút nào | - khảng khái | |
| **2. Tìm hiểu Yếu tố kì ảo**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên đặt câu hỏi phát vấn tìm hiểu về nghệ thuật của văn bản.  *- Liệt kê các yếu tố yếu tố kì ảo trong văn bản.*  *- Chỉ ra ý nghĩa của yếu tố kì ảo trong văn bản.*  Thời gian: 10 phút  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận và thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Câu trả lời của HS  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các kiến thức cơ bản | **2. Yếu tố kì ảo trong tác phẩm**  **a. Yếu tố kì ảo**  - Câu chuyện đầy tính chất kì ảo bởi sự xuất hiện của hồn ma, bóng quỷ🡪thế giới của âm phủ, thế giới của thần linh tồn tại song song với thế giới trần thế và có tác động trực tiếp đến thế giới trần thế  - Tử Văn, người trần thế, có thể gặp gỡ, giao tiếp với những nhân vật của thế giới khác: hồn ma viên bách hộ họ Thôi, thổ thần, quỷ Dạ Xoa, Diêm Vương.  - Khi giữ chức phán sự đền Tản Viên, Tử Văn vẫn có thể giao tiếp với những người quen cũ.  **b. Ý nghĩa của yếu tố kì ảo**  - Thể hiện nhận thức về hiện thực thời đại, gửi gắm ước mơ về công lí của tác giả.  - Ngợi ca phẩm chất cứng cỏi, khí phách của nhân vật Ngô Tử Văn. |
| **3. Tìm hiểu Người kể chuyện và người bình luận cuối truyện**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên đặt câu hỏi phát vấn*:*  *- Nêu nhận xét của em về chức năng của người kể chuyện trong phần chính văn và người bình luận ở cuối truyện*  *- Chia sẻ cách hiểu của em về lời bình đó*  Thời gian: 10ph  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận và thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Câu trả lời của HS  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các kiến thức cơ bản | **3. Người kể chuyện và người bình luận cuối truyện**  ***a. Người kể chuyện***  - Người kể chuyện toàn tri, biết tất nhưng “giấu mặt”. Không bộc lộ thái độ mà chỉ để câu chuyện được tái hiện một cách khách quan.  - Kết nối giữa độc giả và tác giả  ***b. Người bình cuối truyện***  Lời bình: “*Kẻ sĩ chỉ lo không cứng cỏi được, còn gãy hay không là việc của trời.”*  *- Ý nghĩa:*  Lời bình là hiện thân trực tiếp trực tiếp của tác giả, công khai bộc lộ thái độ và suy nghĩ của mình; đồng thời giao tiếp trực tiếp với độc giả. |
| **Nhiệm vụ 4. tổng kết**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS tổng kết nội dung và ý nghĩa của văn bản  - Rút ra cách đọc hiểu văn bản Truyền kì  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, viết lên bảng. | **III. TỔNG KẾT**  ***1. Nội dung***  ***2. Nghệ thuật***  **\* Cách đọc hiểu văn bản Truyền kì**  a. Nắm được cốt truyện của văn bản  b. Xác định được nhân vật trung tâm trong mối quan hệ với các nhân vật khác  c. Xác định được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản  d. Nhận diện và phân tích được ý nghĩa nghệ thuật của các chi tiết kì ảo trong truyện  e. Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP [20 phút]**

**a) Mục tiêu:** HS củng cố, mở rộng kiến thức đã học

**b) Nội dung:** HS hoàn thành phiếu bài tập; HS thực hiện Luyện tập theo hướng dẫn của GV

**c) Sản phẩm:** Bài viết hoặc nói của HS, bài tranh luận, phản biện, sản phẩm cụ thể nào đó…

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một yếu tố làm nên sức hấp dẫn của câu chuyện trong “*Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*”.  Thời gian: 15ph  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Câu trả lời của HS  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | GV linh hoạt |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG [5 phút]**

**a) Mục tiêu:** HS nâng cao, mở rộng kiến thức đã học.

**b) Nội dung:** GV tổ chức hướng dẫn cho HS làm bài tập vận dụng.

**c) Sản phẩm học tập:** Phần trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ: HS trao đổi: Qua câu chuyện Tử Văn đốt đền, có ý kiến cho rằng: Người xấu không đáng sợ bằng “sự im lặng” của người tốt. Em suy nghĩ sao về vấn đề này?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh chia sẻ/tranh biện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Phần chia sẻ của HS  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ |  |

**PHỤ LỤC**

***Phụ lục 1. Phiếu học tập tìm hiểu tác giả, tác phẩm, nhân vật Tử Văn***



|  |  |
| --- | --- |
| **THẢO LUẬN NHÓM (5P)** | |
| **Nhóm 1. Lai lịch nhân vật Ngô Tử Văn** | Ngay từ đầu truyện, tác giả đã giới thiệu về Ngô Tử Văn - nhân vật chính của tác phẩm như thế nào? Em có nhận xét gì về cách giới thiệu đó của tác giả? |
| **Nhóm 2. Mối quân hệ của NTV với dân làng** | Khi Tử Văn đốt đền tà, thái độ của NTV và dân làng ra sao? Qua đó, em có nhận xét gì về nhân vật NTV? |
| **Nhóm 3. Mối quan hệ giữa Tử Văn với hồn ma bách hộ họ Thôi và Thổ công .** | Cuộc đối mặt giữa Ngô Tử Văn với hồn ma tên tướng giặc (tự xưng là cư sĩ) và thổ công diễn ra như thế nào? Thái độ của hồn ma tên bách hộ, thổ thần và Ngô Tử Văn? Qua đó em có nhận xét gì về nhân vật NTV? |
| **Nhóm 4: Tử Văn gặp Diêm vương** | Cuộc đối thoại trực tiếp của NTV và Diêm vương dưới Minh ti diễn ra như thế nào? Qua đó em hãy nhận xét về nhân vật NTV? |

**Phụ lục 2.**

**Chấm điểm viết đoạn văn**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TIÊU CHÍ** | **ĐẠT/ CHƯA ĐẠT** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ |  |
| **2** | Đoạn văn đúng chủ đề: phân tích một chi tiết kì ảo trong truyện thần thoại đã học hoặc đọc thêm: vị trí của chi tiết; giá trị, ý nghĩa biểu tượng của chi tiết đó. |  |
| **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp. |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |
| **5** | Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. |  |

***Phụ lục 3. Rubic chấm phần thảo luận nhóm***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Chuẩn đầu ra** | **Trọng số** | **Mô tả chất lượng** | | | | **Điểm** | |
| **100%**  **(10 điểm)** | **Cần cố gắng** | **Đạt** | **Làm tốt** | **Xuất sắc** |
| **(0 – 4.9)** | **(5.0 – 6.9)** | **(7.0 – 8.4)** | **(8.5 – 10)** |
| **Hình thức báo cáo** | Sản phẩm hoàn thiện về mặt hình thức (Giấy A3/A0 hoặc powerpoint hoặc bản word hoặc hình ảnh…) | **20%**  **(2 điểm)** | **(0 điểm)**  1. Bài làm sơ sài  2. Chữ viết cẩu thả/lỗi font chữ, sai lỗi chính tả | **(1 điểm)**  1. Bài làm sạch đẹp, rõ ràng  2. Không lỗi font/ chữ viết dễ nhìn  3. Mắc lỗi nhỏ về chính tả (Dưới 2 lỗi) | **(1.5 điểm)**  1. Bài làm sạch đẹp, rõ ràng.  2. Không lỗi font/chữ đẹp, dễ nhìn  3. Không mắc lỗi chính tả | **(2 điểm)**  1. Bài làm sạch đẹp, rõ ràng.  2. Không lỗi font/chữ đẹp, dễ nhìn  3. Không mắc lỗi chính tả  4. Có sự sáng tạo trong hình thức |  | |
| **Nội dung báo cáo/Chất lượng sản phẩm** | Sản phẩm hoàn thiện về phần nội dung (Thực hiện đúng trọng tâm nhiệm vụ, trả lời đầy đủ các ý và câu hỏi phụ) | **40%**  **(4 điểm)** | **(0 – 1.5 điểm)**  1. Nội dung bài làm quá sơ sài, chỉ gạch vài ý đầu dòng, chưa có liên hệ, dẫn chứng, phản biện.  2. Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  3. Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn | **(1.6 – 2.5 điểm)**  1. Nội dung bài làm dừng ở mức độ nhận biết, trả lời theo dẫn chứng có sẵn ở tài liệu  2. Trả lời đúng câu hỏi trọng tâm  3. Không trả lời đủ các câu hỏi gợi dẫn (Dưới 2 câu) | **(2.6 – 3.0 điểm)**  1. Nội dung bài làm ở mức độ nhận biết, thông hiểu.  2. Trả lời đúng câu hỏi trọng tâm  3. Trả lời được toàn bộ câu hỏi gợi dẫn tới vấn đề  4. Có thêm các phần dẫn chứng, liên hệ, phản biện. | **(3.1 – 4.0 điểm)**  1. Nội dung bài làm ở mức độ nhận biết, thông hiểu.  2. Trả lời đúng câu hỏi trọng tâm  3. Trả lời được toàn bộ câu hỏi gợi dẫn tới vấn đề  4. Có dẫn chứng, liên hệ, phản biện.  5. Có sáng tạo |  | |
| **Kĩ năng trình bày** | Trình bày tự tin, giọng điệu rõ ràng, hiểu vấn đề trình bày | **10%**  **(1 điểm)** | **(0 điểm)**  Nói nhỏ, không tự tin và không giao tiếp người nghe | **(0.1 – 0.5 điểm)**  Nói nhỏ, tương đối tự tin, ít giao tiếp người nghe | **(0.6 - < 1 điểm)**  Nói vừa đủ, tương đối tự tin, thỉnh thoảng giao tiếp người nghe | **(1 điểm)**  Nói to, rõ ràng, tự tin và giao tiếp người nghe tốt |  | |
| **Trả lời câu hỏi phản biện** | Hiểu vấn đề trình bày và linh hoạt xử lí các tình huống | **10%**  **(1 điểm)** | **(0 điểm)**  Trả lời dưới 1/2 số câu hỏi đặt ra | **(0.1 – 0.5 điểm)**  Trả lời trên 1/2 số câu hỏi đặt ra | **(0.6 - < 1 điểm)**  Trả lời được 2/3 số câu hỏi đặt ra | **(1 điểm)**  Trả lời được toàn bộ số câu hỏi đặt ra |  | |
| **Hiệu quả nhóm** | Đoàn kết, có sự đồng thuận, tất cả thành viên đều có nhiệm vụ riêng | **10%**  **(1 điểm)** | **(0 điểm)**  Chỉ khoảng 40% thành viên tham gia hoạt động | **(0.1 – 0.5 điểm)**  1. Hoạt động gắn kết  2. Có sự đồng thuận  3. Khoảng 60% thành viên tham gia | **(0.6 - < 1 điểm)**  1. Hoạt động gắn kết  2. Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt  3. Có 80% thành viên tham gia hoạt động | **(1 điểm)**  1. Hoạt động gắn kết  2. Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  3. Mọi thành viên đều tham gia hoạt động |  | |
| **ĐIỂM TỔNG** | | | | | | | |  | |

**B. VĂN BẢN 2.**

## **MUỐI CỦA RỪNG**

**(Nguyễn Huy Thiệp)**

**[2 tiết: 4,5]**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG [5 phút]**

**a) Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của học sinh; qua đó, nêu nhiệm vụ học tập.

**b) Nội dung:** GV tổ chức hoạt động cho HS chia sẻ một số hiểu biết và những ấn tượng ban đầu về bài học

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời, lời phản biện, bài nói, chia sẻ cảm xúc, sản phẩm cụ thể… của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS xem MV Rừng [Link MV](https://www.youtube.com/watch?v=G3jsoFaytqg)  - GV yêu cầu HS trình bày suy nghĩ về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên được thể hiện qua MV  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo, thảo luận**  **Bước 4. GV kết luận** | - Chia sẻ của HS về vai trò quan trọng của thiên nhiên với con người, lên án hành động gây hủy hoại thiên nhiên của con người |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC [60 phút]**

**a) Mục tiêu:** Nắm được những kiến thức cơ bản liên quan đến nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, tài liệu tham khảo, thảo luận, làm việc cá nhân… để hoàn thành các nhiệm vụ mà giáo viên định hướng. Qua đó, HS chắt lọc và tích luỹ kiến thức, rèn luyện kỹ năng, bồi dưỡng các phẩm chất quan trọng.

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời, lời phản biện, bài nói, chia sẻ cảm xúc, sản phẩm cụ thể… của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nội dung 1. Tìm hiểu chung**   * **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   - GV yêu cầu HS thực hiện PHT tìm hiểu tác giả Nguyễn Huy Thiệp và tác phẩm *Muối của rừng*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tìm hiểu tác giả Nguyễn Huy Thiệp, tác phẩm *Muối của rừng* | | | | Điều em đã biết về tác giả Nguyễn Huy Thiệp và tác phẩm *Muối của rừng*? | Điều em muốn biết về tác giả Nguyễn Huy Thiệp và tác phẩm *Muối của rừng*? | Điều em học được về tác giả Nguyễn Huy Thiệp và tác phẩm *Muối của rừng*? |  * **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ** * **Bước 3: HS báo cáo, thảo luận** * **Bước 4. GV kết luận** | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả**  ***a. Cuộc đời***  - Nguyễn Huy Thiệp (1950 – 2021) sinh tại Thái Nguyên, quê gốc ở Hà Nội.  - Tuổi thơ ông gắn bó với nhiều vùng đất khác nhau: từ Thái Nguyên, qua Phú Thọ, Vĩnh Phúc. Nguyễn Huy Thiệp có nhiều năm sống và dạy học ở vùng Tây Bắc.  ***b. Sự nghiệp***  - Vị trí: Là “hiện tượng độc đáo” của cao trào đổi mới văn học, “của hiếm” của văn chương Việt Nam.  - Thể loại: Để lại hơn 50 truyện ngắn, 10 kịch bản, 4 tiểu thuyết, nhiều bài phê bình văn học; trong đó nổi tiếng nhất là truyện ngắn.  - Truyện ngắn  + Tác phẩm: *Tướng về hưu, Không có vua, Những ngọn gió Hua Tát, Chảy đi sông ơi, Con gái thủy thần,...*  + Truyện ngắn của ông đề cập đến nhiều vấn đề nóng hổi của đời sống đương đại và khá đa dạng trong cách viết.  **2. Văn bản**  **-Thể loại:** Truyện ngắn  **- Xuất xứ và thời điểm sáng tác:**  + Trích trong tập T*ruyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp*, NXB Văn học, Hà Nội, 2021.  + Truyện ngắn *Muối của rừng* sáng tác lúc đất nước đã hòa bình 1986, khi mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên cần được nhìn nhận lại.  + Đánh giá về truyện ngắn *Muối của rừng* của NHT*,* Lockhartcho rằng: *Tôi chưa bao giờ đọc một truyện ngắn độc đáo, sâu xa nói về sự phạm tội và sư cứu rỗi linh hồn của con người như thế.*  **- Nhân vật chính:** ông Diểu – một người đi săn.  **- Bố cục văn bản:** Văn bản chia làm 4 phần:  + **Phần 1**: (Từ đầu .. .*của hang động đá vôi,* phần lược đoạn): Hoàn cảnh ông Diểu đi săn và hành động bắn con khỉ đực trong bầy khỉ.  + **Phần 2**: (Tiếp .... *Xa hơn nhưng lại an toàn*): Cuộc truy đuổi của ông Diểu với gia đình nhà khỉ.  + **Phần 3**: *(Tiếp ... chỗ con khỉ đực nằm):* Tình cảm của hai con khỉ và hành động phóng sinh của ông Diểu.  + **Phần 4**: *(Còn lại):* Cảnh ông Diểu ra về gặp hoa tử huyền trong làn mưa xuân, báo hiệu nhiều điều may mắn. |
| **Nội dung 2. Khám phá văn bản**  **1. Tìm hiểu cốt truyện**   * **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   - GV phát vấn: Lập bảng thống kê những sự kiện chính của văn bản Muối cử rừng. Mô hình hóa câu chuyện bằng một sơ đồ thích hợp. (Hãy tóm tắt truyện *Muối của rừng)*.   * **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ** * **Bước 3: HS báo cáo, thảo luận** * **Bước 4. GV kết luận**   *=> Văn bản kể về hành trình đi săn của ông Diểu. Đó cũng là hành trình trải nghiệm và nhận thức của ông. Mỗi sự việc là một trạng thái tâm lí của ông Diểu, ông lại thêm phần khám phá về đối phương và về chính bản thân mình.* | **II. ĐỌC HIỂU**  **1. Cốt truyện**  - Ông Diểu (độ 60 tuổi) vào rừng đi săn (bằng cây súng do thằng con học ở nước ngoài gửi về biếu), gặp gia đình khỉ với 3 thành viên. Ông Diểu bắn khỉ đực – con khỉ bố (ông Diểu sợ hãi run lên vì biết mình “vừa làm việc ác”: bắn vỡ bả vai, trồi ra đoạn xương dài 4 phân). . . Khi chứng kiến khỉ cái – con khỉ mẹ – dìu khỉ đực chạy trốn (ông Diểu tức giận, buồn bã ném khẩu súng) 🡪 Bị khỉ con túm dây súng bỏ chạy cùng khỉ bố và khỉ mẹ. Ông Diểu đuổi theo con khỉ nhỏ, dồn nó đến bờ miệng vực. Con khỉ nhỏ rơi xuống vực sâu, rú vang lên tiếng rú thê thảm (ông Diểu lùi lại kinh hoàng, lạnh người do tử khí gây ra, *chi tiết kì ảo xuất hiện*: *sương mù cuồn cuộn len vào từng bụi cây*). Ông Diểu chạy như ma đuổi. Khi nghe tiếng kêu thảng thốt của con khỉ đực bị thương, ông tìm hướng leo lên dốc đá trơn, nguy hiểm. 🡪 Ông Diểu thấy nóng bừng người, cởi bỏ giày và quần áo, nhanh nhẹn, dẻo dai đến mức bản thân không ngờ. Ông Diểu nhận ra thiên nhiên đã thử thách lòng dũng cảm của ông. 🡪 Ông Diểu cứu chữa khỉ đực rồi bế xuống núi (nhận ra vẻ “tuyệt đẹp” của nó, lông mịn, vàng. Chứng kiến sự quằn quại, nhạy cảm được sự đau đớn, “cầu khẩn”, “van xin”, thấy đôi mắt nó “ươn ướt” 🡪 mủi lòng thương cảm, ân hận). 🡪 Xuống được đến chân núi, người ông đầy vết xây xát, còn khi đực thì “sống không ra sống, chết không ra chết” (cả hai đều rơi vào bi kịch đau khổ) 🡪 Không ngờ con khỉ đã cái “lẵng nhẵng bám theo”, “lẽo đẽo đằng sau” (ông Diểu cảm thấy bị xúc phạm vì bị theo dõi, bị ăn vạ; phần thì ông cảm thấy khổ sở, mệt mỏi) 🡪 Ông Diểu ném con khỉ đực xuống đất như là một sự phóng sinh. Trong khi con khỉ nằm dài trên vạt cỏ thì ông lại buồn bã ngồi nhìn, buồn tê tái, thấy “cay cay sống mũi”. Ông Diểu tìm lối đi “đầy những bụi gai” để tránh gặp người nhưng lại gặp “hoa tử huyền nhiều không kể xiết”. Loài hoa này có màu trắng, vị mặn, người ta gọi là muối của rừng (Loài hoa xuất hiện như là món quà cho những con người có tình thương và chuẩn bị báo hiệu sự sung túc, đủ đầy của đất nước). 🡪 Ông Diểu rời thung lũng, xuống cánh đồng (*nhòa vào màn mưa* như biến vào hư không) cô đơn nhưng hạnh phúc (sẽ *đi trong tiết Lập hạ, trời ấm dần*). |
| 1. **Tìm hiểu người kể chuyện và điểm nhìn; Nhân vật ông Diểu; yếu tố kỳ ảo**  * **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   - GV chia lớp thành 4 nhóm, lần lượt tìm hiểu các nội dung.  + Nhóm 1: Truyện được kể từ điểm nhìn nào? Phân tích mối quan hệ giữa điểm nhìn của người kể chuyện và điểm nhìn của nhân vật.  + Nhóm 2: Nguyên nhân nào khiến ông Diểu muốn đi săn? Hoạt động đi săn của ông Diểu được miêu tả như thế nào trong truyện/ (Diễn biến nội tâm của ông Diểu khi đi săn)?  + Nhóm 3: Tìm và phân tích những nguyên nhân khiến ông Diểu đi đến quyết định phóng sinh con khỉ đực.  + Nhóm 4: Thống kê và nêu ý nghĩa của những chi tiết kì ảo trong truyện *Muối của rừng.* Những chi tiết này thể hiện chủ đề nào trong tác phẩm.   * **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ** * **Bước 3: HS báo cáo, thảo luận** * **Bước 4. GV kết luận**   + Sương mù và núi lở có thể vẫn xảy ra trong đời sống thực tế. Đó mới chỉ là yếu tố ***kì*** chứ chưa phải là ***kì ảo***. Tuy nhiên, chi tiết sương mù và núi lở ở đây đặt trong mối quan hệ với hoa tử huyền 30 năm mới nở một lần (một yếu tố kì ảo). Trong mối quan hệ này, sương mù và núi lở ***là cùng trường nghĩa với hoa tử huyền*** , Vì thế, cần được hiểu và cảm nhận như là những chi tiết mang tính kì ảo. | **2. Người kể chuyện và điểm nhìn**  - *Ngôi kể*: ngôi thứ ba. Điểm nhìn của người kể chuyện toàn tri (từ bên ngoài) dịch chuyển vào trường nhìn của nhân vật, làm hiện lên cách cảm thụ, đánh giá của nhân vật về thế giới cũng như suy nghĩ thầm kín bên trong của nhân vật.  - *Điểm nhìn dịch chuyển*: khi thì ở điểm nhìn của ông Diểu (“Hành động ấy thật là đê tiện”); khi thì là con khỉ cái (“Nó sẽ cuồng nhiệt hi sinh bởi lòng cao thượng của nó sẽ được thiên nhiên tính điểm. Ông đã lộ mặt là tên ám sát! Dù chết nó vẫn nhe răng để cười. Bất luận thế nào ông cũng sẽ đau đớn, sẽ thao thức, thậm chí ông sẽ chết sớm hai năm nếu ông bắn nó lúc này”); và khi thì ở điểm nhìn của người kể chuyện (“Loài hoa tử huyền cứ ba chục năm mới nở một lần. Người nào gặp hoa tử huyền sẽ gặp may mắn. Hoa này màu trắng, vị mặn, bé bằng đầu tăm, người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng”).  **=> *Ý nghĩa*:**  + Điểm nhìn ngôi thứ ba: câu chuyện khách quan.  + Dịch chuyển điểm nhìn khiến vấn đề được soi tỏ nhiều góc, nhiều chiều, kết hợp thể hiện cái nhìn sắc lạnh về hiện thực, tạo tính đối thoại, thể hiện được sự phồn tạp, bí ẩn của đời sống.  **3. Nhân vật ông Diểu**  ***a. Giới thiệu***  *-  Ngoại hình*: Tuổi trung niên, thấp khớp đôi lúc cũng nhanh nhẹn dẻo dai.  *- Nguyên nhân đi săn:* Được con trai tặng cho khẩu súng là nguyên nhân trực tiếp đã khiến ông Diều muốn đi săn. Hoạt động này của ông cũng là một thói quen dường như trở thành tự nhiên, thậm chí là một niềm vui của con người nói chung.  - Khẩu súng khiến ông Diễu hiện lên trong tác phẩm chủ yếu như một người thợ săn: Lựa chọn con mồi; Luôn kiên trì, can đảm theo đuổi con mồi của mình; Tự hào về chiến lợi phẩm của mình.  ***b. Hành động và diễn biến nội tâm khi đi săn***  -  *Hành động*:  Bắn hạ khỉ bố, đuổi theo khỉ con, tha chết cho khỉ bố và băng bó cho nó, trở về nhà  -  *Nội tâm*:   |  |  | | --- | --- | | Bắn khỉ bố | - sợ hãi run lên, biết mình vừa làm điều ác | | Khỉ mẹ liều mình cứu khỉ bố | - tức giận, căm ghét | | Khỉ con rơi xuống vực | - *Tái mặt, mồ hôi toát ra như tắm; rùng mình.*  *- Lùi lại kinh hoàng; chạy lùi trở lại – chạy như ma đuổi.* | | Khỉ đực run bắn lên nhìn ông cầu khẩn | - Thương hại | | Khỉ cái cứ đuổi theo ông và con khỉ đực | - Lúc đầu thấy bị xúc phạm ghê gớm, tựa như bị theo dõi, bị ăn vạ.  - Sau chứng kiến tình cảm của đôi khỉ, ông *buồn tê tái, thấy cay sống mũi.* |    = > Nhân vật ông Diểu được xây dựng chủ yếu là tính cách được thể hiện qua hành động, nội tâm. Nhân vật đã có sự chuyển biến suy nghĩ và cảm xúc: từ cách nhìn nhận và hành xử đối với gia đình khỉ mang tính áp đặt chủ quan, có phần vô cảm đến lòng trắc ẩn đầy sâu sắc.  ***c. Người phóng sinh***  - Hành động: Phóng sinh con khỉ đực, rồi vội vã bỏ đi.  - Nguyên nhân chủ quan: là khả năng tự nhận thức và phán xét của ông Diểu về hành vi của mình trong suốt tác phẩm.  + Bắn khỉ đực bị thương, chứng kiến cái chết của khỉ con.  + Trực tiếp chứng kiến sự đau đớn của khỉ đực.  + Thức tỉnh về sự bình đẳng của con người và con vật: đều là những sinh vật trong cuộc đời.  - Nguyên nhân khách quan: sự theo bám kiên nhẫn của khỉ cái - > Thứ tình cảm huyết thống ấy đã tạo nên sức mạnh to lớn, làm thức tỉnh sự lương thiện trong con người của ông Diểu.  - Ý nghĩa: Sự thay đổi thái độ đối với bầy khỉ chứng tỏ: ông Diểu là một người có tấm lòng lương thiện. Lương tâm, lòng trắc ẩn là bản chất tốt đẹp của con người. Con người hãy dùng nó để chiến thắng cái ác, hướng tới cái thiện.  **4. Chi tiết kì ảo**  - *Yếu tố kì ảo* xuất hiện rải rác khắp tác phẩm và càng về cuối càng đậm nét.  (1) “sương mù dâng lên cuồn cuộn đầy tử khí” từ vực thẳm sau cái chết của khỉ con.  (2) núi lở.  (3) ông Diểu gặp hoa tử huyền tới 30 năm mới nở một lần.  (4) Bóng ông Diểu “nhòa vào màn mưa”  - *Ý nghĩa:*  + Yếu tố (1) và (2) là sự cảnh báo, là tiếng nói giận dữ của thiên nhiên trước những hành vi của con người.  + Yếu tố (3) là sự ban thưởng.  + Yếu tố (4) là sự cộng hưởng của những giá trị.  **=> Chủ đề trong tác phẩm: Con người luôn được nhìn và phán xét từ thiên nhiên, vũ trụ. Con người cần học để cảm nhận được cái nhìn từ thiên nhiên, vũ trụ để điều chỉnh chính mình.** |
| **Nhiệm vụ 3. Tổng kết**   * **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   - GV phát vấn: Em hãy rút ra cách đọc hiểu các yếu tố kì ảo trong truyện hiện đại   * **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ** * **Bước 3: HS báo cáo, thảo luận** * **Bước 4. GV kết luận** | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Viết truyện ngắn nhẹ nhàng, giản đơn nhưng tinh tế, sâu sắc.  - Tình tiết truyện lôi cuốn, hấp dẫn.  - Xây dựng hình tượng nhân vật rõ nét, nghệ thuật ẩn dụ đầy tinh tế.  - Yếu tố kì ảo được phát huy một cách hiệu quả.  **2. Nội dung**  Tác phẩm thể hiện rõ nét thái độ sống của con người. Khi con người biết bảo vệ, biết dành tình yêu cho thiên nhiên, thì thiên nhiên sẽ mang lại rất nhiều tài nguyên, ưu đãi cho con người. Ngược lại, chỉ nhận lấy sự phẫn nộ, giận dữ. Văn bản là vừa là bức tranh thiên nhiên, vừa thể hiện lòng trắc ẩn của con người. Qua đó thấy được tệ nạn săn bắn thú rừng ở Việt Nam và lời kêu gọi con người hãy nêu cao ý thức bảo vệ thiên nhiên.  **3. Cách đọc hiểu các yếu tố kì ảo trong truyện hiện đại:**  - Đọc kĩ văn bản, xác định những yếu tố kì ảo, chỉ ra ý nghĩa của chúng:  + Được sử dụng như một phương thức nghệ thuật vừa mang lại tính li kì, hấp dẫn cho câu chuyện, vừa để phản ánh thực tại.  + Góp phần làm rõ đề tài, nội dung một cách phong phú, đa dạng.  + Thể hiện quan niệm của tác giả về thế giới và xã hội.  - Đặt chi tiết trong ngữ cảnh, rút ra vai trò – ý nghĩa của chúng trong việc khắc hoạ nhân vật.  - Nhận diện về phong cách tác giả. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP [20 phút]**

**a) Mục tiêu:** HS củng cố, mở rộng kiến thức đã học

**b) Nội dung:** HS hoàn thành phiếu bài tập; HS thực hiện Luyện tập theo hướng dẫn của GV

**c) Sản phẩm:** Bài viết hoặc nói của HS, bài tranh luận, phản biện, sản phẩm cụ thể nào đó…

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Theo Ha-ra-ri (Harari), có một quan niệm cho rằng: "*Các sinh vật không phải người thì không có giá trị tự thân nào cả, chúng chỉ tồn tại vì lợi ích của chúng ta mà thôi*.” Đọc truyện ngắn *Muối của rừng*, em có tán thành với quan niệm đó không? Vì sao?  Thời gian: 15ph  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Câu trả lời của HS  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | Em không tán thành với quan niệm đó, bởi lẽ, em tin rằng mỗi loại sinh vật đều có những giá trị riêng và góp phần vào việc cân bằng giới tự nhiên. Không chỉ riêng con người mà các loài sinh vật cũng có suy nghĩ và làm những công việc của chúng. Qua truyện ngắn “*Muối của rừng”,* em nhận thấy điều đó, như ông Diểu cũng vậy, để rồi ông phải thốt lên “*trách nhiệm đè lên lưng mỗi sinh vật quả thật nặng nề”.* Nguyễn Huy Thiệp đã nhận ra điều đó, đó chính là gí trị tự thân của mỗi loài sinh vật, không chỉ ở con người. Động vật cũng biết nhận thức, biết đau thương. Vì vậy, mỗi con người chúng ta cần phải trân quý và bảo vệ các loài động thực vật, chúng có đóng góp rất lớn trong việc cân bằng hệ sinh thái. |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG [5 phút]**

**a) Mục tiêu:** HS nâng cao, mở rộng kiến thức đã học.

**b) Nội dung:** GV tổ chức hướng dẫn cho HS làm bài tập vận dụng.

**c) Sản phẩm học tập:** Phần trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   - GV giao nhiệm vụ. HS làm bài tập về nhà như mục Nội dung và yêu cầu nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp lại vào buổi học sau   * **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ** * **Bước 3: HS báo cáo, thảo luận** * **Bước 4. GV kết luận** | HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Hướng dẫn nhận diện và phân tích:  - Đọc kĩ văn bản, xác định những yếu tố kì ảo, chỉ ra ý nghĩa của chúng:  + Được sử dụng như một phương thức nghệ thuật vừa mang lại tính li kì, hấp dẫn cho câu chuyện, vừa để phản ánh thực tại.  + Góp phần làm rõ đề tài, nội dung một cách phong phú, đa dạng.  + Thể hiện quan niệm của tác giả về thế giới và xã hội.  - Đặt chi tiết trong ngữ cảnh, rút ra vai trò – ý nghĩa của chúng trong việc khắc hoạ nhân vật.  - Nhận diện về phong cách tác giả. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_